

Số: 1686/QĐ-UBND

Vĩnh Cửu, ngày 02 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Dự án đầu tư xây dựng Trang trại trồng nấm và cây dược liệu
tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai**

(Quy mô diện tích lập quy hoạch 92.801,0m²; Chủ đầu tư: Vũ Văn Huỳnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018 của Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng về quy định về hồ sơ của Đồ án và Đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 15/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện hồ sơ quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch tỷ lệ 1/500 dự án đầu tư trang trại trồng nấm và cây dược liệu của ông Vũ Văn Huỳnh;

Căn cứ Văn bản số 6837/SXD-QLQHKT ngày 19/6/2020 của sở Xây dựng về việc ý kiến đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án trang trại trồng nấm và cây dược liệu tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai do ông Vũ Văn Huỳnh làm chủ đầu tư;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng tại Báo cáo số 26/BC-KTHT ngày 24 tháng 3 năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng trang trại trồng nấm và cây dược liệu tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Phạm vi ranh giới: Được xác định theo thửa đất số 234 tờ bản đồ số 37 BĐDC xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Khu đất dự án có diện tích khoảng 92.801,0 m².

Vị trí: Khu đất quy hoạch Dự án trang trại trồng nấm và cây dược liệu tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc : Giáp suối – đất trồng
- Phía Nam : Giáp suối – đất trồng
- Phía Đông : Giáp suối – đất trồng
- Phía Tây : Giáp đường đất hiện hữu

2. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích: Khoảng 92.801,0 m².
- Quy mô lao động: Khoảng 10 - 20 người.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

3. Tính chất, mục tiêu:

- Xây dựng mới Trang trại trồng nấm và cây dược liệu tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Khuyến khích phát triển ngành trồng nấm và cây dược liệu trên toàn huyện Vĩnh Cửu nói riêng, tỉnh Đồng Nai nói chung.

- Cung cấp một lượng nấm và dược liệu lớn ra thị trường.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, tăng năng suất và sản lượng nấm.

- Đóng góp vào sự phát triển kinh tế của huyện Vĩnh Cửu nói chung và xã Phú Lý nói riêng.

- Góp phần tạo công ăn việc làm, giải quyết nhu cầu lao động tại địa phương.

- Tuân thủ và cụ thể hóa theo quy hoạch xây dựng chung đã được phê duyệt trên địa bàn xã Phú Lý.

Tạo cơ sở pháp lý cho Quản lý xây dựng và Đầu tư xây dựng.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Đất xây dựng công trình (Trại và khu phụ trợ)	≤ 60%
Đất đầu môi hạ tầng kỹ thuật	02 ÷ 05%
Đất cây xanh	≥ 25%
Đất giao thông - sân bãi	≥ 10%
Tiêu chuẩn cấp điện	1.500kwh/người/năm
Tiêu chuẩn cấp nước	120 - 150 lít/người/ngày
Tiêu chuẩn nước thải	100% nước cấp
Tiêu chuẩn rác thải	1,0- 1,2 kg/người/ngày
Tiêu chuẩn thông tin liên lạc	0,5 máy/người
Chi giới xây dựng	≥ 6m so với ranh đất
Chiều cao xây dựng	≤ 9m

5. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của từng lô đất:

a. Quy hoạch sử dụng đất:

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	SỐ TRẠI	TẦNG CAO	TỶ LỆ (%)
I	Đất xây dựng công trình	50.767,0			54,7
I.1	Đất khu trồng nấm và cây dược liệu	48.150,0	81	1	51,9
I.1.1	Đất khu trồng nấm và cây dược liệu	4.500,0	8	1	
I.1.2	Đất khu trồng nấm và cây dược liệu	6.600,0	11	1	
I.1.3	Đất khu trồng nấm và cây dược liệu	7.800,0	13	1	
I.1.4	Đất khu trồng nấm và cây dược liệu	9.000,0	15	1	
I.1.5	Đất khu trồng nấm và cây dược liệu	9.600,0	16	1	
I.1.6	Đất khu trồng nấm và cây dược liệu	7.050,0	12	1	
I.1.7	Đất khu trồng nấm và cây dược liệu	3.600,0	6	1	
I.2	Đất khu phụ trợ	700,0		1	0,7
II.2.1	Đất xây dựng văn phòng điều hành	300,0		1	
II.2.2	Đất xây dựng kho chứa dụng cụ, thành phẩm	200,0		1	
II.2.3	Đất xây dựng nhà lưu trú công nhân	200,0		1	
I.3	Khu HTKT	1.917,0			2,1
II	Đất giao thông - sân bãi	13.724,0			14,8
III	Đất cây xanh	28.310,0			30,5
	TỔNG	92.801,0			100,0

b. Quy hoạch phân khu chức năng: Dự án được phân chia các loại đất sử dụng theo các chức năng sau:

- **Đất xây dựng công trình:** Tổng diện tích đất là 50.767 m², chiếm 54,7% tổng diện tích đất toàn khu, bao gồm các khu có chức năng sử dụng đất như sau:

+ **Khu trồng nấm và cây dược liệu:**

Được bố trí ở khu vực trung tâm dự án gồm 07 khu trại với tổng diện tích đất xây dựng là 48.150 m²; chiếm 91,9% diện tích đất.

+ **Đất xây dựng các công trình phụ trợ:**

Được bố trí ở phía tây dự án. Diện tích đất bố trí là 700 m², chiếm 0,7% tổng diện tích dự án. Bao gồm các hạng mục như khu văn phòng điều hành, kho chứa dụng cụ, nhà lưu trú công nhân.

- **Đất cây xanh:** Tổng diện tích đất là 28.310 m², chiếm 30,5% tổng diện tích đất toàn khu, Cây xanh trong dự án được tổ chức như sau: Trồng cây xanh mang tính chuyên đề, trong các ô đất chức năng, tận dụng mật độ diện tích trồng cây xanh theo quy định để tạo cảnh quan chung.

- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật:

Đất hạ tầng kỹ thuật gồm: trạm cấp nước, trạm cấp điện, các khu dành đậu xe,... sẽ bố trí sao cho thuận tiện với sự vận hành và sử dụng hiệu quả. Diện tích 13.724,0 m², chiếm tỉ lệ 14,8% diện tích đất.

Hệ thống đường trong công trình được xây dựng mới Hệ thống giao thông đảm bảo kết nối với khu vực chung quanh của dự án, cụ thể như sau:

- + Trục chính giao thông nội bộ lộ giới 5m; nhánh nội bộ 4m.
- + Hệ thống giao thông đối nội đảm bảo tới các khu chức năng thuận tiện và nhanh nhất, đảm bảo an toàn PCCC.

6. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Không gian kiến trúc được tổ chức trên cơ sở tôn trọng hình thái, phương thức ở phù hợp vùng nông thôn, không phá vỡ địa hình và các điều kiện thiên nhiên sẵn có. Đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải,...) với các khu vực xung quanh.

- Mẫu công trình thiết kế phải đáp ứng được các yêu cầu về công nghệ, hệ thống mô đun thống nhất trong xây dựng, phù hợp với cấp công trình và quy hoạch tổng thể, đặc biệt cần chú trọng điều kiện kinh tế kỹ thuật chung trước mắt và về sau.

- Tổng mặt bằng phải đảm bảo các yêu cầu của dây chuyền công nghệ, tiết kiệm được đất đai xây dựng, giảm chiều dài các công trình phù hợp (điện, nước, giao thông...) hạ giá thành xây dựng công trình nhằm góp phần hạ giá thành sản phẩm.

- Hệ thống giao thông trong dự án được phép thiết kế mặt đường bằng đá dăm loại bán thâm nhập nhựa hay bằng bê tông... Bề mặt đường cứng tùy thuộc vào phương tiện vận chuyển của trại nhưng không lớn hơn 5,0 m.

- Hướng trại trồng năm được xác định tùy thuộc vào chức năng của trại, vào hướng gió thịnh hành của vùng khí hậu

7. Thiết kế chi tiết:

a. Mật độ xây dựng:

- + Công trình xây dựng, công trình trại nuôi : $\leq 60\%$
- + Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : 2% - 5%
- + Khu cây xanh : $\geq 25\%$

b. Quy định chiều cao xây dựng công trình:

- + Công trình xây dựng, công trình trại năm và cây được liệu: 01 tầng ($\leq 6m$)
- + Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : 01 tầng ($\leq 6m$)
- + Khu cây xanh : ≤ 01 tầng ($\leq 6m$)

c. Quy định khoảng lùi công trình đối với các tuyến đường:

- + Khoảng lùi xây dựng : ≥ 06 m so với chỉ giới đường đỏ và ranh đất.

d. Quy định về hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc:

- Đường nét và hình khối kiến trúc công trình theo xu hướng công nghiệp chăn nuôi hiện đại. Các công trình phải tạo được không gian hài hoà với thiên nhiên và khu vực xung quanh.

- Quy định về vật liệu xây dựng: ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương, phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của khu vực.

- Về kiến trúc công trình và quản lý đầu tư xây dựng trong dự án được quy định cụ thể tại Quy định quản lý xây dựng kèm theo hồ sơ.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy hoạch giao thông:

- Hệ thống đường trong công trình được xây dựng mới Hệ thống giao thông đảm bảo kết nối với khu vực chung quanh của dự án, cụ thể như sau:

+ Trục chính giao thông nội bộ lộ giới 5m; nhánh nội bộ 4m.

+ Hệ thống giao thông đối nội đảm bảo tới các khu chức năng thuận tiện và nhanh nhất, đảm bảo an toàn PCCC.

b. Quy hoạch san nền - Thoát nước mưa:

- Để đảm bảo khớp nối hạ tầng quang khu vực, giải pháp thiết kế mang tính chất san nền cục bộ, các đường đồng mức san nền như hình vẽ.

- Độ dốc san nền theo hướng chính: hướng từ Tây sang Đông chệch về hướng Bắc với độ dốc thiết kế 0,16%. Khu vực dự án có địa hình bằng phẳng, độ cao trung bình từ (dương) 69,7m đến (dương) 71,1m, độ dốc tương đối nhỏ (khoảng 0,12%) hướng dốc chính từ Tây sang Đông, chệch về Đông Nam, hướng suối.

- Cao độ thiết kế san nền: (dương) 70,2m

* Giải pháp san lấp:

- San các khu vực triền đồi (chủ yếu tập trung tại rẫy mì, điều...) để đắp cho các vùng trũng trong khu đất. Khối lượng đất đào còn dư sẽ được vận chuyển ra khỏi dự án, cự ly vận chuyển trung bình được tính toán trong phạm vi 10 km.

- Trước khi tiến hành san lấp cần dọn dẹp sạch sẽ cây cối, rác, đồng thời đào bỏ lớp đất hữu cơ bề mặt dày khoảng 20cm.

- Lớp đất đắp cần được đầm chặt đến độ chặt $k=0,9$.

- Tại các vị trí có chiều cao đào đắp lớn thì độ dốc yêu cầu của ta luy là 1,5:1.

- Hệ thống cống thoát nước thải được tách riêng với nước mưa..

- Khu vực quy hoạch nằm cạnh suối nên thuận tiện cho việc tiêu thoát nước. Hướng thoát nước chính của dự án là hướng Tây Bắc – Đông Nam.

- Sử dụng cống BTCT bố trí bên lề các tuyến đường nội bộ đón nước mưa mái nhà, nước mưa phát sinh trong khu vực dẫn ra suối giáp ranh phía Đông Nam khu quy hoạch

- Tim cống cách mép gờ lề 1.0 mét. Độ dốc cống bám theo độ dốc đường. Độ dốc cống nhỏ nhất để cống có thể tự làm sạch và tự chảy là $i = 1/D$ (D là đường kính cống). Trên các tuyến cống bố trí hố ga thu nước khoảng cách trung bình 30 – 40m.

- Do cống nước mưa và nước thải bố trí cùng cốt nên tại các vị trí giao cắt nhau sử dụng hố ga kỹ thuật.

- Các tuyến cống thoát nước đặt dưới lòng đường được tính với tải trọng H30 – XB80, chiều dày đất đắp trên lưng cống tối thiểu là 70cm. Hệ thống cống thoát nước nên được xây dựng đồng bộ với thi công xây dựng sân đường để giảm khối lượng đào đắp.

c. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Hiện tại trong khu vực dự án chưa có hệ thống cấp nước tập trung, do đó chủ đầu tư đưa ra giải pháp cấp nước cho khu vực dự án là khai thác nước ngầm. Hình thức cấp nước tập trung theo mô hình: Giếng khoan – bể chứa (có khử trùng) - đài nước. Qua khảo sát thực tế nguồn nước ngầm trong khu vực, ở độ sâu >60m, lưu lượng đạt khoảng từ 3,5- 4,5 l/s. (300-400 m³/ngày.đêm) đủ khả năng cấp nước theo nhu cầu của dự án.

- Hệ thống cấp nước được xây dựng tại khu đất hạ tầng kỹ thuật nằm ở phía Tây dự án.

Cấp nước cho trang trại nuôi trồng

- Bố trí tuyến ống HDPE D40 chạy cấp theo đường nội bộ dẫn nước từ đài nước cấp cho mạng lưới ống nhánh. Mạng lưới ống nhánh (uPVC D27) đặt chạy dọc theo các dãy trang trại nuôi trồng, mỗi dãy bố trí 2 tuyến ống, (khoảng cách trung bình 8m/tuyến). Trên các tuyến ống nhánh bố trí các van lấy nước D27 (chạy tự động - phun sương - nhỏ giọt) phun nước cho nấm và cây dược liệu.

Cấp nước tưới cây:

- Nước tưới cây được lấy từ tuyến ống chính HDPE D40 cấp nước toàn khu, dọc theo tuyến bố trí các hố van lấy nước, khoảng cách trung bình 20m/hố.

Cấp nước phòng cháy chữa cháy:

- Nước chữa cháy được lấy từ bể ngầm 150m³ thông qua hệ thống máy bơm cấp nước PCCC.

- Mạng lưới ống cấp nước chữa cháy ngoài trời được bố trí riêng biệt với hệ thống cấp nước sinh hoạt. Ống sử dụng loại STK D114. Dọc theo các tuyến ống bố trí các trụ PCCC D100, khoảng cách giữa 2 trụ không vượt quá 150m, áp lực tự do trong mạng lưới cấp nước chữa cháy không được nhỏ hơn 10m tính từ mặt đất và chiều dài ống vòi rồng dẫn nước chữa cháy không quá 150 m, Trụ bố trí 2 bên đường không đặt cách xa mép đường quá 2,5m.

d. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Giải pháp thu gom nước thải:

- Hệ thống cống thoát nước thải được tách riêng với nước mưa..

- Nước thải sinh hoạt được gom tập trung tại các hố hực hủy ở mỗi công trình, sau đó nước thải được xử lý sơ bộ, loại bỏ rác, tạp chất tránh tắc nghẽn mương trước khi dẫn về trạm xử lý tập trung trước khi thoát ra ngoài.

Trạm xử lý nước thải :

- Căn cứ hướng dốc địa hình, Trạm xử lý nước thải (hệ thống xử lý nước thải công suất 2-3m³/ngày đêm) đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Tây dự án, sau đó thoát ra mương hiện hữu phía trước dự án.

- Theo điều tra tại địa phương thì khả năng tiêu thoát nước của mương này khá tốt, trong những năm qua không có tình trạng ngập lụt xảy ra. Mặt khác lượng nước thải rất thấp, không đáng kể nên tình trạng ngập lụt do xả nước là không có.

Quy trình công nghệ hệ thống XLNT:

- Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua các hầm riêng của mỗi công trình có phát sinh nước thải sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải.

- Trong bể gom có song chắn rác, rác và cát sẽ được vớt lên bằng phương pháp thủ công và mang đi chôn lấp cùng với các loại rác thải khác.

Quy trình xử lý Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải 3m³.

Rác thải vệ sinh môi trường:

- Rác thải và chất thải rắn phải được thu gom xử lý riêng và ký hợp đồng với công ty Dịch vụ môi trường đô thị thu gom hàng ngày đưa đi xử lý tại bãi xử lý tập trung theo quy hoạch chung của tỉnh Đồng Nai.

- Tỷ lệ thu gom phải đạt 100% lượng chất thải rắn phát sinh đồng thời phải thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn phát sinh trước khi vận chuyển về bãi xử lý.

e. Quy hoạch hệ thống điện, chiếu sáng:

Nguồn cấp điện:

- Nguồn điện cấp cho dự án lấy từ trạm biến áp (trạm 400kVA) xây dựng mới được thiết kế nằm trong ranh quy hoạch, được kéo từ lưới điện quốc gia đi qua dự án.

Phạm vi dự án:

- Xây dựng các tuyến dây hạ thế và các tủ điện dọc các trục đường giao thông trong ranh dự án nhằm tạo thuận tiện cho việc cung cấp điện các hạng mục công trình.

Giải pháp công nghệ:

- Dự án có diện tích xây dựng khoảng 4,9 ha gồm trang trại nuôi trồng, khu phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật.

- Đầu tư hệ thống đường dây trung thế được thiết kế trên phạm vi đất cây xanh trong dự án đến trạm biến áp xây dựng mới, vị trí đấu nối lưới 22kV vào đường dây trạm biến áp 110kV Hiếu Liêm, do Điện lực Trị An quản lý, đường dây trung thế đấu nối vào tuyến trung thế hiện hữu nhằm phục vụ nhu cầu điện cho dự án trang trại chăn nuôi.

- Xây dựng mới đường dây trung thế 22kV đoạn từ đường dây trung thế hiện hữu đến trạm biến áp chiều dài: 100m.

+ Xây dựng mới trạm biến áp trong phạm vi dự án công suất: 400kVA.

+ Xây dựng mới đường dây hạ thế trên các tuyến vào công trình chiều dài: 1000m.

Tổng công suất đầu tư dự án: 400Kva.

f. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc cho trang trại trồng nấm và cây dược liệu theo quy hoạch tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu là một hệ thống được ghép nối vào mạng viễn thông của Bru điện tỉnh Đồng Nai (cụ thể từ trạm viễn thông trong Bru điện văn hóa xã).

- Hệ thống nội bộ ở đây sẽ là một mạng cáp điện thoại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về viễn thông cho trang trại chăn nuôi.

- Nguồn tín hiệu chính sẽ được lấy từ trạm viễn thông trong Bưu điện văn hóa xã Phú Lý huyện Vĩnh Cửu. Trên cơ sở đó, cần phải thiết kế một hệ thống cáp thông tin đi trên trụ bê tông Điện lực và trụ trồng mới nhằm mục đích phục vụ cho các tuyến cáp thông tin nói trên khi mạng cáp được triển khai, tránh đầu tư và thi công không đồng bộ.

- Vị trí và khoảng cách công bề cáp được bố trí phù hợp với quy hoạch.

9. Đánh giá tác động môi trường:

Trên cơ sở đánh giá tác động môi trường, Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức các biện pháp không chế ô nhiễm môi trường: không khí, nguồn nước, tiếng ồn, ... trong quá trình giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng và đưa dự án vào hoạt động.

10. Quy định quản lý:

Ban hành quy định quản lý kèm theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án: Trang trại trồng nấm và cây dược liệu tại xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: gồm 05 Chương và 20 Điều.

11. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn, tiến độ thực hiện dự án:

- **Chủ đầu tư: ông Vũ Văn Huỳnh.**

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn chủ sở hữu và vốn vay.

- Tổng thời gian dự kiến xây dựng khoảng 1 năm (2021 - 2022):

* Giai đoạn 1: Đến tháng 3/2021.

- Hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý chuẩn bị đầu tư (thủ tục đất đai, xây dựng, giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất, lập bản vẽ thiết kế kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm...).

* Giai đoạn 2: Từ tháng 04/2021 đến tháng 4/2022.

- Triển khai xây dựng công trình.

* Giai đoạn 3: Từ tháng 05/2022.

- Hoàn thành công trình, nghiệm thu công trình, bàn giao đưa vào khai thác kinh doanh.

Điều 2: Trên cơ sở quy hoạch được duyệt tại Điều 1 Quyết định này, phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND xã Phú Lý, ông Vũ Văn Huỳnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cung nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng chuyển các mốc giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, cùng UBND xã Phú Lý quản lý xây dựng theo hồ sơ quy hoạch được phê duyệt.

3. Chủ đầu tư thực hiện việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch.

4. Liên hệ với các ngành chuyên môn để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp đấu nối với hệ thống hạ tầng chung tại khu vực

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Lý, ông Vũ Văn Huỳnh, Thủ trưởng các đơn vị và các các nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh;
- Các Sở ngành có liên quan;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- C,PVP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Dương Hùng

CỦU T. ĐỒNG THÁP